

## THỦY THẦN LONG ĐÀM VÀ HỆ THỐNG TỨ PHÁP Ở THANH TRÌ (HÀ NỘI)

NGÔ VĂN DOANH<sup>(\*)</sup>

Như mọi làng quê khác của người Việt trên đất nước Việt Nam, các làng xã xưa của xã Hoàng Liệt hiện nay đều có miếu thờ vị thành hoàng làng của mình. Thế nhưng, một điều khá đặc biệt cho một cụm làng quanh khu đầm Linh Đàm là vị thần của đầm trở thành thành hoàng chung cho tất cả làng này. Hơn thế nữa, chính vị thần nước này lại là chất keo tâm linh quan trọng liên kết các làng thuộc xã Hoàng Liệt lại thành một khối, một đơn vị hành chính.

Ghi chép xưa nhất về vị thủy thần Long Đàm hiện được biết là câu chuyện *truyện vị thần ở đầm Lân Đàm* trong sách *Lĩnh Nam Chích quái* (Những chuyện kì lạ thu góp được ở cõi Lĩnh Nam) ra đời từ thời Trần, về sau được Vũ Quỳnh và Kiều Phú soạn lại vào thế kỉ XV. Câu chuyện kể rằng: "Thần Lân Đàm chính là thần rồng vậy. Xưa thần thường hóa thành người để tìm thầy học đạo. Thầy học thường tra hỏi, thần bèn nói thực rằng: "năm nay, trên thiên đình ngưng việc làm mưa". Thầy học cố nài thần làm ra mưa. Thần bắt đắc dĩ nghe lời.

Sau trong chằm có biến động, thầy học tới chằm thấy thần hút nước trong nghiên phun thành mưa mực để trừ hạn hán. Thượng Đế cho là việc đã tiết lộ bèn bắt tội thần. Thấy thần nổi ở trên chằm, thầy học thu về an táng, nhân dân đặt tên chằm là Long Đàm, sau đổi thành Lân Đàm.

Thần rất uy linh, hiển ứng. Đền thờ thần đặt ở xã Lân Đàm, huyện Thanh Đàm. Đòi đòi thần được phong làm trung đẳng thần"<sup>(1)</sup>.

Đền thờ thần rồng Long Đàm được sách *Đại Nam nhất thống chí* thời Nguyễn gọi là đền Thần Hiển Khánh. Sách *Đại Nam nhất thống chí* chép: "Đền Thần Hiển Khánh ở làng Hoàng Liệt huyện Thanh Trì. Tục truyền vào khoảng năm Đại Khánh đời Trần Minh Tôn (1314-1323), ông Chu Văn Trinh dạy học ở làng Cung Hoàng. Có người học trò đến xin học, ăn nói đi đứng có vẻ khác thường, ông lấy làm ngờ, cứ lửa lúc tối trường thì xét xem từ đâu mà đến. Một hôm ông dậy rất sớm để đi dò xét, thì ở đằng xa trông thấy người học trò ấy từ dưới sông lội lên. Lúc bấy giờ hạt ấy bị đại hạn đã lâu, bốn phương lễ đảo cũng không mưa. Ông mới lấy tình trạng mong mưa bảo với người học trò ấy. Người ấy trước còn nói thoai thác sau thấy ông thành tâm khẩn khoản, thì mới trả lời rằng: Nay trời làm khô hạn, nên tôi mới được tạm rỗi để đi chơi, nay bốn bể ba sông, ngòi lạch ao khe, đều có lệnh cấm. Chỉ có một ít nước trong cái nghiên, thì làm sao mà gội được khắp cả mọi nơi. Nhưng thầy đã bảo, thì tôi cũng xin vì dân đem một hạt nước này

\*. TS, Viện Nghiên cứu Đông Nam Á.

1. Vũ Quỳnh - Kiều Phú. *Lĩnh Nam chích quái*, Nxb. Văn hóa, Hà Nội, 1990, tr. 142-143.

mà giải thoát cái khổ khô hạn. Rồi đêm hôm ấy, không thấy có sấm chớp gì, chỉ thấy mây vẫn giữa trời, chợt mưa âm âm xuống, nước đen ngòm. Đến sáng ngày ra coi thì thấy 5 xã 7 thôn nước đầm đìa cả, lúa mạ đều được sống lại. Sau người học trò ấy xin từ biệt. Ông Văn Trinh mới nói cho dân làng biết việc đó, thì làng ấy có dựng đền ở bên Chằm để phụng thờ, nhiều đời có sắc phong làm Thượng Đẳng Thần<sup>(2)</sup>. Năm xã bảy thôn có nước do thủy thần ban cho đều cùng thờ phụng thần, và đền thờ chính ở xã Bằng Liệt xưa. Các xã thôn đó là: Bằng Liệt (xã gồm Bằng Thượng và Bằng Hạ), Tụ Liệt; Tứ Kỳ (thuộc xã Hoàng Liệt xưa); Đại Từ, Linh Đường (cả hai thuộc xã Linh Đường); Hữu Thanh Oai và Lê Xá (huyện Thanh Oai, Hà Tây). Đền thờ chính mà sách *Đại Nam nhất thống chí* gọi là "Đền Thần Hiến Khánh" thì được dân làng Bằng Liệt và trong vùng gọi là Miếu Cổ, Miếu Gàn, đền Xá Càn. Bia "*Bản tổng các xã bi kí*" (bia của các xã trong bản tổng) dựng ngày 15 tháng 2 năm Thành Thái 19 (1907) chép: "các xã thôn Bằng Liệt, Linh Đàm, Tụ Liệt, Tứ Kỳ, Đại Từ, Thanh Trì trong tổng Thanh Liệt huyện Thanh Trì, phủ Thường Tín tỉnh Hà Đông cùng dựng bia phụng thờ ở xã Bằng Liệt". Bia nói 6 xã thôn trong tổng cùng thờ thần tại đền thờ Xá Càn. Và hàng năm vào ngày 6 tháng 2, cả 6 xã thôn cùng mở lễ hội. Đối với người dân ở hai thôn Tứ Kỳ và Linh Ứng thuộc xã Hoàng Liệt, câu chuyện về vị thủy thần ở đầm Linh Đàm còn được cụ thể hoá hơn: "Vị thần nọ là con bà Loan Lương, quê ở Túc Mặc (tỉnh Nam Định). Loan Lương lên tu ở chùa trang Hoàng Liệt (Tứ Kỳ và Pháp Vân xưa), bà được thủy thần báo mộng đầu thai và sinh ra. Lớn lên theo học Chu Văn An ở Huỳnh Cung.

Khi Hồ Quý Ly chuyên quyền, ông đem quân chống lại họ Hồ. Có lần bị vây 4 - 5 ngày, ông phù phép mưa xuống lấy nước cho quân sĩ uống. Và sau này ông làm mưa cứu hạn hán ở trong vùng rồi liền sau đó hoá ở sông Tô Lịch.

Thần được dân làng Linh Đàm và Tứ Kỳ thờ làm thành hoàng<sup>(3)</sup>.

Câu chuyện về thủy thần của Làng Đầm (tên tục của thôn Đại Từ thuộc xã Linh Đường xưa) cũng có một vài chi tiết thần hóa khác. Truyện kể rằng: "Làng thờ một vị Thủy thần làm thành hoàng, tương truyền là học trò của Chu Văn An. Ông là người có công giúp dân trong vùng đào mương, đào giếng chống hạn cứu mùa màng. Vì để theo học Chu Văn An, con vua Thủy Tề hàng ngày lội nước lên nghe giảng bài.

Nhân một lần có hạn nặng, theo yêu cầu của thầy, con vua Thủy Tề đã hoá phép lấy bút chấm vào nghiên mực vẩy lên trời, tự nhiên trời phủ kín mây đen và mưa xối xả. Vì không nắm giữ được phép tấu, nên người con vua Thủy Tề nọ đã bị trừng trị. Sau đó người ta thấy xác con thuồng luồng nổi lên trước cửa đình thôn Lê Xá. Nhân dân biết đó là con vua Thủy Tề, đem chôn và thờ làm thành hoàng<sup>(4)</sup>.

Đình Linh Đường còn giữ lại được một số sắc phong của các vua triều Nguyễn. Sắc ngày 14 tháng 11 năm Thiệu Trị 6 (1856) gia tặng Thủy thần Linh Đàm làm "Trạm linh hoàng trạch trung đẳng thần. Cho phép thôn Pháp Vân, thôn Tứ Kỳ xã

2. *Quốc sử quán triều Nguyễn, Đại Nam nhất thống chí* (bản dịch tiếng Việt), tập 3, Nxb. Thuận Hoá, 1996, tr. 213 - 214.

3. Tài liệu ghi theo lời kể của nhân dân địa phương.

4. Tài liệu ghi theo lời kể của nhân dân địa phương.

Hoàng Liệt, thôn Đại Từ xã Linh Đường, xã Tụ Liệt phụng sự". Sắc phong ngày 26 tháng 11 năm Tự Đức 3 (1850) gia tặng Trạm linh hoàng trạch (nghĩa là "Ấn trạch rộng rãi"), cho phép thôn Pháp Vân, thôn Tứ Kỳ xã Hoàng Liệt; thôn Linh Đường, thôn Đại Bi (nay là Đại Từ) xã Linh Đường; xã Tụ Liệt phụng sự thờ. Ở sắc phong này thần được sắc phong là Trạm linh hoàng trạch đảm chiêm trung đẳng thần. Sắc ngày 18 tháng 5 năm Tự Đức 5 (1852) sắc cho Linh Phù hiển thánh tôn thần nguyên là Trạm linh hoàng trạch đảm chiêm trung đẳng thần; cho phép thôn Linh Đường xã Linh Đường phụng sự như cũ. Sắc ngày 1 tháng 7 năm Đồng Khánh 2 (1887) gia phong Nhậm linh hoàng trạch đảm chiêm vương nhuận linh phù hiển thánh. Sắc ngày 11 tháng 8 năm Duy Tân 3 (1909) sắc chỉ cho thôn Linh Đàm xã Linh Đàm huyện Thanh Trì, tỉnh Hà Đông từ xưa đã phụng sự Trung đẳng thần được ban mi tự Trạm Linh<sup>(5)</sup>.

Đúng là cả 5 xã 7 thôn đều thờ và có nơi thờ (hoặc miếu, hoặc đền, hoặc đình) Thủy Thần Linh Đàm, thế nhưng nơi thờ chính hay nơi thờ gốc là Miếu Gàn hay còn gọi là Đền Xà Can hoặc Miếu Cổ ở xã Bằng Liệt xưa mà sách *Đại Nam nhất thống chí* viết là đền Thần Hiển Khánh. Và vị thần của Bằng Liệt có tên chữ là Bảo Ninh Vương "nhiều đời có sắc phong làm Thượng đẳng thần".

Không còn nghi ngờ gì nữa, dù có bị nhân cách hoá rồi lịch sử hoá như thế nào đi nữa, vị thần của đầm Linh Đàm chính là thần nước. Thoạt đầu (nghĩa là khởi thủy từ xa xưa) thần nước ở đầm Linh Đàm được biểu tượng và được thờ tự dưới dạng cá. Cái tên *Gàn* của miếu chính là

từ *Kan* nghĩa là cá trong các tiếng của người Mã Lai cổ (lớp văn hóa rất cổ của văn hóa Việt)<sup>(6)</sup>. Về sau âm K hay C đã biến thành G. Âm C hay K vẫn còn giữ lại ở một số tên gọi khác của Miếu: đền Xá Càn. Ở đây, chữ Càn còn được giữ nguyên và được ghép vào với một từ Hán Việt: *Xá*, nghĩa là nơi ở, nhà ở, nhà khách, quán. Do vậy có thể hiểu hai chữ Xá Càn là nơi thờ thần cá? Rồi sau đó thần cá được chuyển thành thần rồng hay long thần mà sách *Lĩnh Nam chích quái* đời Trần đã chép: "Thần Lâm Đàm chính là thần rồng vậy". Việc chuyển biến về mặt hình tượng từ cá thành rồng là một hiện tượng tự nhiên trong quan niệm tín ngưỡng của người Đông Á và Đông Nam Á. Người Việt vẫn thường nói: "cá hoá rồng" cũng với một ý niệm như vậy. Và, dù là cá hay rồng cũng đều gắn với nước, với mưa; còn thần cá hay thần rồng thì đều là Thủy Thần cả.

Hiện tượng thờ Thủy Thần dưới dạng Thần Rồng thể hiện khá rõ ở chùa Pháp Vân ở thôn Pháp Vân (xã Hoàng Liệt xưa và Hoàng Liệt nay). Theo lời của các cụ trong làng, chùa Pháp Vân có từ lâu đời rồi, nhưng đã phải trải qua nhiều thay đổi trong suốt quá trình lịch sử tồn tại của làng. Ngôi chùa hiện nay nằm ngay đầu làng và có bức hoành phi năm Ất Tị niên hiệu Thành Thái (1905) cho biết chùa có tên là Long Hưng Tự. Trong một số bia đá hiện còn ở chùa như Long Hưng

5. Tài liệu về các sắc phong của đình Linh Đường hiện được lưu dưới dạng ghi chép lại ở Ban quản lí di tích Hà Nội và đã được chúng tôi công bố trong *Hoàng Liệt - truyền thống và hiện tại*. Nxb. Chính trị - Quốc gia, Hà Nội 1999, tr. 66 - 67.

6. Có thể tham khảo: *Tự điển Chàm - Việt - Pháp* của G. Moussay, Trung tâm văn hóa Chàm, Phan Rang, 1971, tr. 132.

kí kị bi (bài gửi giỗ ở chùa Long Hưng) khắc tháng 2, Mậu Dần, năm Bảo Đại 13 (1938), rồi "Hậu Phật bi" dựng tháng 2 năm Thành Thái 18 (1906)... thì chùa Pháp Vân vẫn được gọi là Long Hưng tự. Dù có tên chữ được đặt về sau thì chùa vẫn gắn với biểu tượng nước: rồng. Yếu tố nước của chùa Pháp Vân không chỉ dừng lại và chỉ thể hiện qua tên chữ Long Hưng của chùa mà chủ yếu nằm ở cái tên nôm Pháp Vân của chùa cũng như của làng.

Đối với người dân Pháp Vân, chùa có tên thực là chùa Pháp Vân. Quả chuông lớn hiện treo trong chùa, đúc năm Giáp Ngọ (1954) mang tên Pháp Vân tự chung chứ không mang tên Long Hưng tự chung. Người dân của làng Pháp Vân đều biết chùa Pháp Vân hiện nay là mới làm từ hồi đầu thế kỉ. Trên xà nóc của chùa còn ghi rõ niên đại Thành Thái Ất Tị (tức năm 1905). Các cụ trong làng kể, ngày xưa, thầy địa lí Tả Ao cắm hai chiếc gậy ở hai nơi trong làng thành Giếng Dưới và Giếng Trên của làng. Chỗ Giếng Dưới được xây Chùa Gianh (vì chùa lợp lá) nhìn ra đầm Linh Đường. Tất cả các yếu tố từ cái tên gọi: Pháp Vân, Long Hưng; đến các yếu tố địa lí: giếng nước, đầm nước của chùa đều gắn với nước; nhưng chùa lại là chùa Phật và cái tên Pháp Vân cũng là cái tên gắn với yếu tố Phật. Liệu chùa Pháp Vân cùng với Miếu Gàn và các nơi thờ tự Thủy Thần của các làng trong xã Hoàng Liệt và các làng lân cận có gắn gì với hiện tượng Tứ Pháp?

Trở lại với chùa Pháp Vân của làng Pháp Vân xã Hoàng Liệt. Chùa cũng có cái tên như của Chùa Dầu; sự tích thầy địa lí Tả Ao cắm hai chiếc gậy thành hai giếng nước có gì đó gắn với thầy Đồ Lê và cây trượng cắm xuống đất nước vọt ra.

Thế nhưng điều giống nhau cơ bản là cầu mưa, cầu nước. Như vậy là cùng với Thần Rồng ở đầm Linh Đàm, riêng ở xã Hoàng Liệt bấy giờ đã có hai Tứ Pháp rồi: Pháp Vân và Pháp Vũ. Vậy còn Pháp Lôi (Sấm Pháp) và Pháp Điện (Chớp Pháp) ở đâu?

Theo chúng tôi thì Pháp Lôi hay Sấm Pháp của hệ thống Tứ Pháp Thanh Trì chính là ở Chùa Sét ở làng Sét. Mà làng Sét thì lại nằm cạnh làng Pháp Vân. Không phải ngẫu nhiên mà một loạt làng gần đầm Linh Đường lại được ghép với nhau trong bài ca dao *Nhật trình từ Ráy đến Ô*. Xin dẫn lại ra đây mấy câu:

"Tứ Kì ở đó rõ ràng

Trông lên lại thấy một làng Pháp Vân  
Trông xa rồi lại trông gần

Đại Từ trước mặt, sau lưng Linh Đường  
Vang lừng Chợ Sét một bên

Qua cầu lại thấy bên trên có chùa"<sup>(7)</sup>.

Và, thời xưa đầm Linh Đường và Đầm Sét (nơi có Chùa Sét) thông với nhau và cùng sản sinh ra một loại cá ngon, nổi tiếng là cá rô hay là cá quả sơn mà sử sách đã ghi chép. Sở dĩ làng có tên là Làng Sét và chùa có tên là Chùa Sét (một hiện tượng giống hệt chùa Pháp Vân) vì có sự tích sau:

Năm đó, có rước các tượng Tứ Pháp về kinh cầu mưa. Khi tượng Pháp Lôi được rước đến cây đa Cổ Liệt thì gặp mưa phải dừng kiệu tránh ướt. Lúc đó trời có sét đánh. Sau khi mưa, rước tượng đi không được nữa. Làng lập am để thờ và làng được gọi là Làng Sét và chùa được gọi là Chùa Sét<sup>(8)</sup>.

7. *Hà Nội trong ca dao tục ngữ*. Giang Quân sưu tầm, Nxb. Hà Nội, 1994, tr. 54.

8. Chúng tôi đã trình bày một phần hiện tượng này trong: *Hoàng Liệt - truyền thống và hiện tại*. Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1999, tr. 39 - 49.

Cũng cách làng Pháp Vân không xa (chỉ qua một khu đầm chếch về hướng đông nam một chút) có làng Yên Duyên (cũng thuộc huyện Thanh Trì) với ngôi đền Nghè Bà và hội bơi chải. Về Nghè Bà có một sự tích khá lí thú. Sự tích kể rằng, vua Lý Nhân Tông (huý là Càn Đức) một lần vi hành đến vùng đất này vào mùa lũ. Bỗng từ phía nam mé dưới có con thuyền nhỏ bơi ngược lên, trên thuyền chỉ có cô gái mặc yếm đỏ rực như tia chớp. Vua truyền cho các quan mời cô gái lên bờ, nhưng cô gái chỉ dừng thuyền giữa dòng và hát từ tạ:

"Trăm lần thiếp phụ quân vương

Thủy cung cách trở âm dương ru mà"

Rồi cả thuyền và cô gái chìm xuống nước. Để kỉ niệm sự kiện đó, vua đặt tên cho làng là Yên Duyên và cho lập đền thờ gọi là Nghè Bà. Từ đây Yên Duyên có hội bơi chải nhắc lại sự tích trên<sup>9</sup>. Cũng là Thủy Thần, cũng gắn với nước, nhưng sự tích của Nghè Bà gọi cho ta hình ảnh của Pháp Điện (Chóp Pháp).

Như vậy xét theo đúng chuẩn của Tứ Pháp ở Dâu, thì Hoàng Liệt cùng một vài làng xung quanh thuộc huyện Thanh Trì đã tạo nên một hệ thống Tứ Pháp khá hoàn chỉnh ở phía nam Hà Nội. Mặc dầu cũng gần như một hệ thống Tứ Pháp đầy đủ, nhưng có thể nói rằng hiện tượng Tứ Pháp của Thanh Trì nói chung và của Hoàng Liệt nói riêng chỉ là cái vỏ về sau ốp lên một hiện tượng tín ngưỡng còn xưa hơn: thờ thần nước. Chính qua hiện tượng ở Đền Gàn và vị Thủy Thần đầm Linh Đàm chúng ta thấy cả một bức tranh phát triển rất rõ cả về hiện tượng lẫn biểu tượng về tục thờ thần nước của người Việt. Hiện tượng thờ thần nước hay Thủy Thần Linh Đàm chắc hẳn là có từ

rất xưa, ít nhất là khi ở người Việt còn đậm yếu tố Mã Lai (biểu hiện qua tên gọi xưa của ngôi đền: Đền Gàn, đền Xá Càn). Mà, chỉ ở thời kì văn hóa Đông Sơn (thời kì các Vua Hùng) là trong văn hoá của người Việt mới còn mang đậm những yếu tố Mã Lai - Đa Đảo (qua những hình chạm khắc trên các trống đồng và đồ đồng Đông Sơn). Về sau, khi văn hóa Việt Nam đã chịu ảnh hưởng nhiều của văn hóa Trung Quốc, vị thần nước vốn là cá đã được chuyển hoá thành Thần Rồng hay Bảo Ninh Vương...

Đúng là thờ thần nước hay thủy thần là một hiện tượng phổ biến ở người Việt đồng bằng Bắc Bộ, đặc biệt là ở các vùng đất trũng. Có thể thấy việc thờ thần nước ở nhiều dạng khác nhau. Ví dụ, vùng đất trũng hai triền Sông Cầu có tới 72 đền thờ thần nước. Rồi không ít các vị thủy thần đã trở thành thành hoàng của nhiều làng thuộc tỉnh Hưng Yên... Thế nhưng hầu hết những vị thủy thần ở những nơi trên thường có dạng rắn như trường hợp Thánh Tam Giang vốn có dạng Ông Cộc, Ông Dài... Chứ thần nước có nguồn gốc nguyên thủy là cá thì có lẽ, theo chúng tôi, thủy thần Miếu Gàn là hiện tượng hiếm thấy ở người Việt đồng bằng Bắc Bộ (chúng tôi chưa biết có hiện tượng thứ hai). Hơn thế nữa, tên gọi của miếu thờ, như chúng tôi đã trình bày, là từ cổ mang yếu tố Mã Lai - Đa Đảo có nghĩa là cá.

Cũng có một vài trường hợp khác mà ở đó chữ càn là cá còn được giữ trong tên gọi của ngôi đền như Đền Cờn (Nghị Lộ, Nghệ An), của địa danh như Cửa Càn gần Đền Cờn. Thế nhưng những từ cổ này

9. Chúng tôi đã trình bày một phần hiện tượng này trong: *Hoàng Liệt - truyền thống và hiện tại*. Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1999, tr. 39 - 49.

gắn với biển và cá voi là chính. Do đó, có thể thấy yếu tố Mã Lai cổ trong văn hoá của người Việt đồng bằng Bắc Bộ được lưu lại không nhiều mà hiện tượng của Miếu Gàn là một trong những biểu hiện hiếm hoi đó.

Điều đặc biệt thứ hai của hiện tượng thờ Thủy Thần Linh Đàm là tính liên làng. Chắc hẳn câu chuyện về người học trò của Chu Văn An chỉ là lớp sau trùm lên một hiện tượng đã có từ trước. Thế nhưng ở câu chuyện này cũng có một chi tiết lí thú là những xã thôn thờ vị Thủy Thần đầm Linh Đàm là những nơi được có mưa. Hãy xem những nơi nhận được mưa do vị Thủy Thần ban cho là những đâu: Bằng Liệt (nay là hai thôn Bằng A và Bằng B), Linh Đàm, Tứ Kì (nay cả hai thôn đều thuộc xã Hoàng Liệt), Tụ Liệt (xã Tam Hiệp), Đại Từ (xã Đại Kim), Hữu Thanh Oai (xã Hữu Hoà) và Lê Xá (Thanh Oai, Hà Tây). Trong các xã thôn trên thì Hữu Thanh Oai và Lê Xá là nằm tách hẳn ra về mặt địa lí và việc thờ ở hai nơi này mang tính thờ vọng nhiều hơn. Còn theo *Bản tổng các xã bi kí* ở Miếu Gàn thì những nơi thờ Thủy Thần Linh Đàm là Bằng Liệt (nay là hai thôn Bằng A và Bằng B), Linh Đàm, Tụ Liệt, Tứ Kì, Đại Từ của tổng Thanh Liệt. Theo một số sắc phong của đình Linh Đường thì Pháp Vân cũng thờ vị Thủy Thần đầm Linh Đàm. Nếu nhìn vào bản đồ tự nhiên, chúng ta sẽ thấy tất cả các làng trên đều

nằm xung quanh đầm Linh Đàm xưa. Một sự kiện trùng hợp khá lí thú và rất quan trọng: các làng xã quây quần quanh đầm Linh Đàm và các làng xã được nước mưa về cơ bản là một. Do vậy, có thể nói rằng, Thủy Thần đầm Linh Đàm nguyên thủy là thần bảo hộ hay thành hoàng của không phải một làng mà của cả một tập hợp lớn hơn - một *ô trũng*. Chúng tôi muốn nhấn mạnh và lưu ý ở đây là *ô trũng*. Theo chúng tôi, đầm Linh Đàm là một trong những *ô trũng* của đồng bằng Bắc Bộ. Và theo các nhà nghiên cứu (người đầu tiên đưa ra khái niệm này là nhà dân tộc học Nguyễn Từ Chi), tập hợp lớn mang tính truyền thống của người Việt ở đồng bằng Bắc Bộ là đơn vị *ô trũng* chứ tổng rồi xã chỉ thuần tuý là những đơn vị hành chính. Trường hợp thờ Thủy Thần Linh Đàm là một ví dụ điển hình: đâu phải tất cả các xã thôn của tổng Thanh Liệt đều thờ vị thần này. Còn nếu xét theo đơn vị hành chính hiện nay thì các làng thờ Thủy Thần Linh Đàm thuộc các xã: Hoàng Liệt, Đại Kim và Tam Hiệp. Thế nhưng chỉ một cái chung liên kết là đầm Linh Đàm và vị Thủy Thần của đầm. Liệu hiện tượng thờ thần nước đầm Linh Đàm có phải là hiện tượng vốn phổ biến thời xa xưa đối với người Việt làm lúa nước sống quanh và trong các *ô trũng* của đồng bằng Bắc Bộ mà giờ đây chỉ còn lưu ảnh lại đâu đó nhưng quá mờ nhạt chứ không đậm như trường hợp của đầm Linh Đàm?